KẾ HOẠCH PHÂN BỔ CÁC MÔN HỌC, MÔ-ĐUN CHO TỪNG HỌC KỲ

Trình độ đào tạo: cao đẳng

Tên ngành: Tài chính Doanh nghiệp

Mã ngành: 6340201

HỌC KỲ 1 (17 Tín chỉ)	HỌC KỲ 2 (16 Tín chỉ)	HỌC KỲ 3 (16 Tín chỉ)	HỌC KỲ 4 (17 Tín chỉ)	HỌC KỲ 5 (14 Tín chỉ)
Tiếng Anh 1 MH3107209, 2(0,2)	Tiếng Anh 2 MH3107210, 2(0,2)	Nguyên lý thống kê MH3104119, 2(1,1)	Phân tích BCTC MH3104311, 3(2,1)	Tự chọn 5TC
GD thể chất MH3109105, 2(0,2)	GDQP và AN MH3109022, 3(2,1)	Thanh toán quốc tế MH3104301, 2(1,1)	Thuế MH3104321, 2(1,1)	Đầu tư tài chính MH3104315, 2(1,1)
GD chính trị MH3108021, 5(5,0)	Kinh tế vi mô MH3104138, 2(1,1)	Thị trường chứng khoán	Thẩm định dự án MH3104309, 3(2,1)	Mô hình TC MĐ3042209, 3(2,1)
Pháp luật MH3108103, 2(1,1)	Kinh tế vĩ mô MH3042205, 2(1,1)	Kế toán tài chính 1 MH3104319, 3(2,1)	Kế toán tài chính 2 MH3104320, 3(2,1)	Khóa luận MĐ3104918, 5(3,2)
Tin học MH3101201, 3(1,2)	Tài chính DN căn bản MH3042400, 3(2,1)	Tài chính DN nâng cao MH3042401, 3(2,1)	Nghiệp vụ ngân hàng MH3104328, 2(1,1)	Tự chọn 4TC
Nguyên lý kế toán MH3104118, 3(2,1)	Tài chính tiền tệ MH3042206, 3(3,0)	Luật kinh tế MH3104121, 2(1,1)	Nghiệp vụ TCDN MĐ3042213, 2(0,2)	Tài chính công MH3104327, 2(1,1)
	Kiến tập DN MĐ3042211, 1(0,1)	Marketing TMĐT MH3042210, 2(1,1)	Nghiệp vụ văn phòng MH3104140, 2(1,1)	Quản lý DM đầu tư MH3042403, 2(1,1)
				Bảo hiểm và tiền lương MH3042402, 2(1,1)
				Tiếng Anh CN TC MH3104329, 2(1,1)
				Thực tập TN MĐ3104907,5(0,5)